

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 5 năm 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Lý

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ (nay là thôn T), xã T, huyện L, tỉnh V

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh V, có mặt

2. Bị đơn: Anh Trần Kim N, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn Đ (nay là thôn T), xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho anh N: Ông Trần Kim T, sinh năm 1962 (bố đẻ anh N)

Nơi cư trú: Thôn Đ (nay là thôn T), xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Kim N vào ngày 31 tháng 01 năm 2013, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia đình anh N. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N

chơi bời, cờ bạc vợ chồng cãi nhau và chị có khuyên bảo, anh N không thay đổi. Đầu năm 2014, anh N có làm đơn xin ly hôn chị nhưng sau đó vợ chồng dàn xếp, anh N rút đơn. Đến khi anh N bị tai nạn, nằm liệt giường, chị đã hết lòng chăm sóc nhưng do bất đồng quan điểm giữa chị và bố mẹ chồng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 5 năm 2015 cho đến nay. Vợ chồng chị và gia đình hai bên không dàn xếp gì. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Quang V, sinh ngày 04/8/2013. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu V và không yêu cầu anh N đóng góp nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị H từ chối yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Trần Kim N mất năng lực hành vi dân sự.

Bị đơn là anh Trần Kim N trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phối hợp cùng chính quyền địa phương vào tại gia đình anh Trần Kim N để lấy lời khai của anh. Song, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020, người đại diện theo pháp luật cho anh N là ông Trần Kim T (bố đẻ anh N) trình bày: Anh N bị tai nạn lao động năm 2014, nằm liệt giường, nhận thức bị hạn chế (có lúc tỉnh táo, có lúc không), không đi lại được. Do vậy, ông đề nghị Tòa án không cần phải gặp trực tiếp anh N và ông cũng từ chối đề nghị Tòa án tuyên bố anh N mất năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu trợ giúp pháp lý cho anh N.

Về quan hệ hôn nhân của anh N và chị H: Khoảng đầu năm 2013, gia đình ông có tổ chức cưới cho anh Trần Kim N và chị Hoàng Thị H. Kết hôn xong chị H về chung sống cùng gia đình ông ngay. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đến đầu năm 2014, anh N cũng đã làm đơn xin ly hôn chị H, chị H không đồng ý. Đến tháng 05/2014, do anh N bị tai nạn lao động, nằm liệt giường, gia đình hết lòng cứu chữa, nhưng cuộc sống có những xô xát do ý ăn, ý ở giữa bố mẹ chồng và con dâu nên đến khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2015 chị H tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc anh N. Nay chị H xin ly hôn anh Trần Kim N, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn nhau.

Con chung của vợ chồng anh N và chị H: có 01 con chung là Trần Quang V, sinh ngày 04/8/2013. Hiện nay đang ở với chị H. Trường hợp chị H và anh N ly hôn, ông mong muốn Tòa án giải quyết cho gia đình ông được nuôi cháu V, trường hợp không được thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của anh N và chị H: Không có gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung, anh N không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H xin ly hôn anh Trần Kim N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối với bị đơn anh Trần Kim N, người đại diện theo pháp luật cho bị đơn là ông Trần Kim T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N, ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Trần Kim N là cuộc hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, anh N bị tai nạn lao động nằm liệt giường, giữa chị H và bố mẹ chồng xảy ra bất đồng quan điểm. Đến năm 2015, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến anh N nữa và vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Chị H xin ly hôn anh N. Đại diện theo pháp luật cho bị đơn là ông Trần Kim T có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh N được ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh N đã trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 05/2015 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn, điều đó thể hiện đời sống chung của anh chị không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và quan điểm của đại diện bị đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh N là phù hợp.

Về con chung: Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung chưa thành niên sau khi ly hôn của các bên là như nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh N đang bị bệnh, bản thân anh N cũng cần có người chăm sóc, thu nhập hàng tháng phụ thuộc vào tiền trợ cấp của Nhà nước, không có nguồn thu nhập nào khác và cũng để đảm bảo sự ổn định, phát triển cho cháu sau này nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Trần Quang V, sinh ngày 04/8/2013 là phù hợp.

Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Trần Kim N.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang V, sinh ngày 04/8/2013. Anh N không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0007631 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga